

Bản án số: 23/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 30 – 01 - 2018

*“V/v tranh chấp chia tài sản chung sau khi
ly hôn; Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC C HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giữ;
2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 440/2016/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2016 về “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Th L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 259, tổ 07, ấp MQ, xã MP, huyện CP, tỉnh An Giang.

- ***Bị đơn:*** Anh Phan Văn C, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 07, ấp MQ, xã MP, huyện CP, tỉnh An Giang.

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Lê Hoàng D, sinh năm 1966;
2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982;

3. Bà Tăng Thị V, sinh năm 1989.
Cùng trú tại tổ 07, ấp MQ, xã MP, huyện CP, tỉnh An Giang.
Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2016 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th L trình bày:

Bà và ông C chung sống từ năm 2002, đến năm 2016 thì ly hôn theo bản án số 263/2016/HNGĐ-ST ngày 30/8/2016. Tại quyết định của bản án ly hôn, về tài sản chung bà và ông C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng sau khi ly hôn ông C không chia tài sản chung của vợ chồng cho bà mà còn đuổi bà đi không cho bà và con chung của bà và ông C sinh sống trên phần đất là tài sản chung của vợ chồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia theo pháp luật tài sản chung của bà và ông C trong thời kỳ hôn nhân gồm: Thửa đất 288, tờ bản đồ số 98, diện tích đo đạc thực tế 2.173m² đã được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02953hF ngày 09/7/2010 cho ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị Th L đứng tên quyền sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L đang quản lý. Tại biên bản hòa giải ngày 24/11/2017, bà Liễu cho rằng vào năm 2011 khi vợ chồng còn chung sống có thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Lê Hoàng D 500m² (diện tích đo đạc thực tế 489m²) với số tiền 30.000.000đ; năm 2015 có thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T, bà Tăng Thị V 160m² (diện tích đo đạc thực tế 159m²) với số tiền 24.600.000đ. Cả hai lần chuyển nhượng có làm giấy tay, đã giao đất và nhận đủ tiền. Nay bà L đồng ý làm thủ tục chuyển quyền phần diện tích đã chuyển nhượng cho ông D, ông T và bà V (theo diện tích đo đạc thực tế) theo quy định của pháp luật. Phần diện tích đất còn lại là 1.525m² bà L yêu cầu chia theo pháp luật, cây trồng trên đất (dừa, chuối) là do bà và ông C cùng trồng, nếu Tòa giải quyết phần đất được chia mà cây trồng trên phần đất của ai thì người đó hưởng, không yêu cầu hoàn giá trị, không yêu cầu định giá; Còn nhà tạm của bà L đang ở trên đất thì bà đồng ý di dời, không yêu cầu định giá, bồi hoàn. Ngoài ra không yêu cầu gì khác. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của bà L: Phô tô giấy chứng nhận QSDĐ do ông C và bà L đứng tên; phô tô bản án ly hôn; phô tô tờ sang nhượng năm 2011 giữa ông C, bà L với ông D; phô tô tờ sang nhượng năm 2015 giữa ông C, bà L với ông T, bà V.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn C trình bày: Thống nhất khi vợ chồng còn chung sống có cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số CH02953hF do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 09/7/2010. Năm 2011, ông và bà L có làm giấy tay chuyển nhượng cho ông Lê Hoàng D cùng địa chỉ hết 500m², năm 2015 làm giấy tay chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T và bà Tăng Thị V cùng địa chỉ 160m², nhưng qua đo đạc thực trạng thì diện tích chuyển nhượng cho ông D là 489m², ông T và bà V là 159m², ông thống nhất theo diện tích đo đạc thực trạng ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện CP. Đồng thời, đồng ý lập thủ tục sang tên cho ông D, ông T và bà V theo quy định. Phần diện tích còn lại ông không đồng ý chia cho bà L vì đây là đất của cha mẹ khi còn sống cho riêng ông, khi vợ chồng còn chung sống thì đứng tên chung, nhưng nay vợ chồng ly hôn thì của ông trả cho ông và khi ly hôn thì bà L không yêu cầu chia tài sản. Cha mẹ cho riêng ông chỉ nói miệng không giấy tờ. Về cây trồng trên đất (dừa, chuối...) khi vợ chồng còn chung sống cùng trồng, nếu Tòa chấp nhận yêu cầu của bà L thì cây trồng trên đất thuộc về ai người đó hưởng, không yêu cầu hoàn giá trị, không yêu cầu định giá. Chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của ông C là phô tô bản án ly hôn; phô tô tờ sang nhượng năm 2011 giữa ông C, bà L với ông D; phô tô tờ sang nhượng năm 2015 giữa ông C, bà L với ông T, bà V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng D trình bày: Năm 2011 ông có nhận chuyển nhượng của vợ chồng L, C 500m² (làm giấy tay) với số tiền 30.000.000đ, đã trả đủ tiền và nhận đất sử dụng từ năm 2011 đến nay. Ông thống nhất theo đo đạc thực tế ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện CP là 489m², yêu cầu ông C, bà L lập thủ tục sang tên theo quy định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà V trình bày: Năm 2015 vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng của vợ chồng L, C 160m² (làm giấy tay) với số tiền 24.600.000đ, đã trả đủ tiền và nhận đất sử dụng từ năm 2015 đến nay. Ông thống nhất theo đo đạc thực tế ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện CP là 159 m², yêu cầu ông C, bà L lập thủ tục sang tên theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà L giữ nguyên yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật, đồng ý lập thủ tục sang tên diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông D, ông T và bà V theo quy định.

Bị đơn ông C không đồng ý chia tài sản chung cho bà L, đồng ý lập thủ tục sang tên diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông D, ông T và bà V theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D, ông T, bà V giữ nguyên yêu cầu ông C, bà L lập thủ tục sang tên đất đã chuyển nhượng theo quy định.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của

người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và tranh tụng của các bên đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C, bà L với ông D, ông T, bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Th L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông Phan Văn C, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đây là vụ án là tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn, tài sản tranh chấp và bị đơn trú tại tổ 07, ấp MQ, xã MP, huyện CP, tỉnh An Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

- Về thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu.

2. [Về nội dung vụ án]:

- Về nguồn gốc của tài sản tranh chấp: quá trình giải quyết vụ án và kết quả thẩm định thấy rằng, diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02953hF ngày 09/7/2010 là 2.500m², qua đo đạc thực tế diện tích 2.173m² là của cha mẹ ông C tặng cho ông C và bà L trong thời kỳ hôn nhân nên cả hai cùng đứng tên quyền sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông C cho rằng đây là tài sản riêng của ông, cha mẹ ông cho riêng ông nhưng vì khi vợ chồng còn chung sống thì cùng đứng tên quyền sử dụng, ông C không đồng ý chia cho bà L.

- Về giá trị tài sản tranh chấp: Do không thỏa thuận được về giá nên bà L có

đơn yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng định giá tài sản đang tranh chấp. Tại biên bản định giá tài sản ngày 02/11/2017, giá đất theo quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đất đang tranh chấp thuộc khu vực 1c, vị trí 1, tiếp giáp kinh 3 có giá 55.000đ/m² và giá theo khảo sát thực tế chuyển nhượng tại địa phương là 65.000 – 70.000đ/m², bà L thống nhất theo giá khảo sát, ông C không thống nhất theo giá khảo sát vì cho rằng khi ông chuyển nhượng cho ông T giá là 153.000đ/m². Tại phiên tòa, bà L, ông C, ông D, ông T, bà V thống nhất theo giá đất nông nghiệp của Hội đồng định giá là 55.000đ/m².

Hội đồng xét xử xét thấy, bà L và ông C đã ly hôn theo bản án số 263/2016/HNGĐ-ST ngày 30/8/2016 đã có hiệu lực pháp luật, khi ly hôn về tài sản chung bà L và ông C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, bà L nuôi con chung, ông C không cấp dưỡng nuôi con, bà L và con cất 01 nhà tạm và nuôi cá lóc giống trên một phần đất là tài sản chung của vợ chồng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02953hF ngày 09/7/2010 cho ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị Th L đứng tên quyền sử dụng. Được một thời gian thì ông C và anh chị em của ông C đuổi không cho bà L ở trên phần đất này, bà L khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Ông C không đồng ý với yêu cầu của bà L vì cho rằng đây là tài sản riêng của ông, nhưng ông C không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình, do đó lời khai nại của ông C là không có căn cứ. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “...*tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung. Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng...*”. Đây là tài sản không phải do vợ chồng tạo ra nhưng là tài sản được tặng cho chung trong thời kỳ hôn nhân và vợ chồng đã cùng đứng tên quyền sử dụng, nên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng. Do đó yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận, cách thức phân chia do Hội đồng xét xử quyết định. Đối với căn nhà tạm của bà L đang cất trên đất, bà L đồng ý di dời không yêu cầu định giá, bồi hoàn. Đối với cây trồng trên đất (dừa, chuối) là do vợ chồng L, ông C cùng trồng khi chưa ly hôn, bà L không yêu cầu định giá, chia giá trị, cây trồng trên phần đất của ai được chia thì người đó hưởng.

- Đối với yêu cầu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

Bà L, ông C thống nhất khi vợ chồng còn chung sống năm 2011 có làm giấy tay chuyển nhượng cho ông Lê Hoàng D 500m² với giá 30.000.000đ, ông bà đã giao đất và nhận đủ tiền, hiện ông D đang đào ô nuôi cá lóc giống; Năm 2015, vợ

chồng có làm giấy tay chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T, bà Tăng Thị V 160m² với giá 24.600.000đ đã giao đất và nhận đủ tiền, hiện ông T, bà V đã cất nhà ở ổn định. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông C, bà L tự nguyện thỏa thuận lập thủ tục sang tên chuyển quyền cho ông D theo diện tích đo đạc thực tế là 489m² theo các điểm 1,3,19,20 (bản trích đo địa chính ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh CP) và cho ông T, bà V theo diện tích đo đạc thực tế là 159m² theo các điểm 13,14,16,15 (bản trích đo địa chính ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh CP) theo quy định của pháp luật. Hợp đồng chuyển nhượng giữa các bên không đảm bảo về hình thức theo quy định của pháp luật, tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 129 của Bộ luật dân sự thì *“Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó”*. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của ông C, bà L với ông D, ông T, bà V và có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên theo quy định.

Về chia tài sản: Diện tích đất còn lại theo đo đạc thực tế sau khi đã chuyển nhượng còn lại là 1.525 m², theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *“Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, nhưng có tính đến các yếu tố sau đây: a) Hoàn cảnh gia đình của vợ, chồng; b) Công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung”*. Xét, bà L tuy là không có công sức đóng góp vào việc tạo lập khối tài sản chung, nhưng đây là tài sản được tặng cho chung trong thời kỳ hôn nhân, khi còn chung sống với ông C bà L đã có công chăm sóc gia đình, cha mẹ chồng, con cái đã làm tốt nghĩa vụ làm dâu, làm vợ, làm mẹ, đồng thời sau khi ly hôn đến nay bà L là người trực tiếp nuôi con chung (sinh năm 2005) của ông bà. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét cần chia cho bà L một diện tích đất nhất định để bà có nơi ở ổn định để tiếp tục sinh sống và nuôi con. Hiện trạng đất, bà L đang quản lý một phần đất có diện tích 659 m² đào ô nuôi cá lóc giống theo các điểm 13, 15, 16, 17, 18, 21 (bản trích đo địa chính ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh CP) nghĩ nên chia cho bà phần diện tích này để bà tiếp tục sử dụng và sở hữu. Do căn nhà tạm của bà L không nằm trong diện tích đất được chia nên buộc bà L có nghĩa vụ di dời.

Ông C được chia phần diện tích còn lại 866 m² theo các điểm 21, 9, 1, 3,

19,18 (bản trích đo địa chính ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh CP).

[3] Về án phí:

Giá đất theo quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang là 55.000đ/m² để làm căn cứ định giá tính án phí 5% giá trị tài sản mỗi bên được hưởng, Cụ thể:

Bà L được chia $659\text{m}^2 \times 55.000\text{đ}/\text{m}^2 = 36.245.000\text{đ} \times 5\% = 1.812.000\text{đ}$.

Ông C được chia $866\text{m}^2 \times 55.000\text{đ}/\text{m}^2 = 47.630.000\text{đ} \times 5\% = 2.382.000\text{đ}$.

Ông D tự nguyện chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ông T, bà V tự nguyện chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[4]. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá:

Căn cứ vào Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, đo đạc thuộc về bà L và ông C. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 165, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 33; Điều 37, Điều 59; Điều 60; Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Điều 129; Điều 213 của Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào Điều 99; Điều 100 của Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ khoản 9 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 48 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về chia tài sản:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th L về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn đối với ông Phan Văn C.

- Chia cho bà L được quyền sở hữu và sử dụng diện tích 659 m² đất nông nghiệp theo các điểm 13, 15, 16, 17, 18, 21 (hiện đào ô nuôi cá lóc giống thể hiện trong bản trích đo địa chính ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh CP – *kèm theo*). Buộc bà L tháo dỡ, di dời căn nhà tạm kết cấu nền đất tráng xi măng, vách thiếc, mái thiếc theo các điểm 6,7,8 (*bản V kèm theo*).

- Chia cho ông Phan Văn C được quyền sở hữu và sử dụng diện tích 866m² đất nông nghiệp theo các điểm 21, 9, 1, 3, 19,18 (thể hiện trong bản trích đo địa chính ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh CP – *kèm theo*).

2. Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa ông Phan Văn C, bà Nguyễn Thị Th L với ông Lê Hoàng D lập ngày 20/4/2011 với diện tích đo đạc thực tế 489m² theo các điểm 1,3,19, 20 (thể hiện bản trích đo địa chính ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh CP– *kèm theo*).

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa ông Phan Văn C, bà Nguyễn Thị Th L với ông Nguyễn Văn T, bà Tăng Thị V lập ngày 15/9/2015 với diện tích đo đạc thực tế 159m² theo các điểm 1,3,19, 20 (thể hiện bản trích đo địa chính ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh CP– *kèm theo*).

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục sang tên, chuyển quyền theo quy định.

(Toàn bộ diện tích đất trên nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02953hF do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 09/7/2010 tọa lạc tại ấp Mỹ Quý, xã MP, huyện CP, hiện ông C, bà L đứng tên).

3. Về chi phí tố tụng (đo đạc, định giá, thẩm định): Bà L tự nguyện chịu, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

- Bà L phải chịu 1.812.000đ án phí dân sự sơ thẩm ứng với phần tài sản được chia, được khấu trừ vào số tiền 3.125.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013188 ngày 15/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP. Bà L được nhận lại số tiền 1.313.000đ.

- Ông C phải chịu 2.382.000đ án phí dân sự sơ thẩm ứng với phần tài sản được chia.

- Ông D tự nguyện chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013452 ngày 04/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

- Ông T, bà V tự nguyện chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013427 ngày 04/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện Châu Phú;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Mỹ